

THỰC TRẠNG CƠ CẤU XÃ HỘI Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

NGUYỄN THẾ HUỆ

Từ năm 1986, khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu kinh tế, xã hội đã có những biến đổi khá sâu sắc.

Các giai tầng xã hội đều trở nên năng động và tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới. Từng cá nhân đều có thể phát huy các tiềm năng của mình mà không nhất thiết phải có sự di chuyển địa bàn sinh sống và làm việc. Sự tích cực hoá nhân tố con người trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã tạo nên nhịp sống sôi động của toàn xã hội. Tại miền núi phía Bắc tiềm năng của từng cá nhân, từng nhóm xã hội và của cả cộng đồng cũng được đánh thức dậy, được phát huy trong một cơ chế cởi mở, được dân dắt theo phương châm “ dân có giàu lên thì nước mới mạnh được”. Đây là điều mà trong một thời gian dài, cơ chế hành chính tập trung bao cấp không làm được.

a. Cơ cấu xã hội - giai cấp

Ở miền núi phía Bắc, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội, cơ cấu xã hội – giai cấp đang có những biến đổi đáng kể. Giai cấp công nhân đang từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Giai cấp nông dân các dân tộc vẫn là lực lượng chủ yếu, chiếm hơn 80% dân số miền núi phía Bắc. Tầng lớp trí thức ở miền núi phía Bắc được Đảng và Nhà nước quan tâm nên đã có sự phát triển nhất định.

Trong điều kiện kinh tế thị trường ở đây cũng đã xuất hiện một số nhóm xã hội như tiểu thương, tiểu chủ, kể cả một số chủ trang trại vừa và lớn, ví dụ ở vùng chè Phú Thọ, Thái Nguyên, Mộc Châu, vùng kinh tế rừng Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn và vùng kinh tế mở Quảng Ninh. Các nhóm xã hội này được hình thành trong quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Cơ cấu của các nhóm xã hội này mới chiếm tỷ lệ nhỏ so với cơ cấu xã hội của giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức ở miền núi phía Bắc.

Giai cấp công nhân ở đây có vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Họ là những người có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ nhất định. Trong nền kinh tế thị trường, giai cấp công nhân là những người di dân, định hướng và hướng dân các giai tầng khác. Họ là những người năng động, thích ứng với cơ chế mới; một số có trang trại trồng rừng hoặc chăn nuôi, trong quá trình thực hiện giao đất, giao rừng của các doanh nghiệp, nông trường, hợp tác xã. Hiện nay, tỷ lệ công nhân trẻ trong giai cấp công nhân ở miền núi phía Bắc nhất là ở tiểu vùng Đông Bắc chiếm số đông. Tuy nhiên, quá trình xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân ở đây cũng bộc lộ những khó khăn, nhược điểm. Đội ngũ công nhân phân bố không đều giữa các dân tộc, chủ yếu tập trung ở vùng thấp, vùng ven đường quốc lộ, các tụ điểm kinh tế, chính trị, văn hoá.

Giai cấp nông dân ở miền núi phía Bắc chiếm tỷ lệ cao nhất, và cũng đã có sự phân hoá giàu, nghèo, phân hoá nghề nghiệp, không ít nông dân các dân tộc trong cơ cấu dân cư ở đây đã có trình độ học vấn nhất định, biết làm ăn và trở thành những người khá giả hoặc giàu có. Trong giai cấp này đang dần dần hình thành một lớp người, có thể tạm gọi là nhóm người nghiêng về lao động trí óc và quản lý. Họ là đội trưởng sản xuất, trưởng thôn, cán bộ chủ chốt của đảng, chính quyền, đoàn thể, các ban ngành ở xã và hợp tác xã như cán bộ khuyến lâm, khuyến nông, kế toán, thủ quỹ, kế hoạch, thống kê, thông tin văn hoá.v.v. Một bộ phận nông dân khác có vốn được nhà nước tạo điều kiện làm trang trại và trở nên giàu có. Một bộ phận nông dân tách ra làm thương nghiệp, dịch vụ ... chủ yếu để phục vụ nông nghiệp và cũng giàu lên. Tỷ trọng lao động đơn giản chiếm tỷ lệ cao trong nông dân các dân

tộc thiểu số. Nhưng nhìn chung cơ cấu ngành nghề, trong nông thôn các dân tộc ở đây còn đơn điệu, chưa hợp lý. Họ thích ứng với cơ chế mới còn chậm, đời sống vẫn rất khó khăn.

Tầng lớp trí thức chủ yếu xuất thân từ nông dân. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, một thế hệ trí thức trẻ tuổi bắt đầu xuất thân từ đội ngũ công nhân, viên chức. Đội ngũ cán bộ, viên chức ở miền núi phía Bắc gồm đủ các trình độ chuyên môn từ trung cấp đến đại học. Sự xuất hiện tầng lớp trí thức có trình độ chuyên môn cao ở các dân tộc chứng tỏ sự biến đổi lớn trong cơ cấu xã hội các dân tộc ở đây. Họ là lực lượng chủ chốt đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào cuộc sống, giúp đồng bào phát triển các loại cây, con có năng suất cao. Tuy nhiên, cho đến nay ở miền núi phía Bắc cơ cấu của tầng lớp trí thức so với cơ cấu của giai cấp công nhân chiếm tỷ lệ rất thấp. Và nếu so với cơ cấu của giai cấp nông dân các dân tộc thì tỷ lệ hầu như không đáng kể.

Để tạo động lực cho miền núi phía Bắc phát triển bền vững, các giai tầng ở đây cần đoàn kết, giúp đỡ và tương trợ nhau cùng phát triển, đặc biệt nhà nước cần tăng cường hơn nữa lực lượng trí thức cho miền núi phía Bắc.

b. Cơ cấu xã hội - dân số

Sự biến đổi kinh tế - xã hội ở miền núi phía Bắc đã làm biến đổi cơ cấu xã hội - dân số. Theo số liệu tổng điều tra dân số 1.4.1989, dân số ở miền núi phía Bắc có 10.068.059 người, chiếm 15,64% dân số của cả nước ⁽¹⁾. Đến cuộc tổng điều tra dân số 1.4.1999, dân số ở miền núi phía Bắc có 13.088.000 người, chiếm 17,1% dân số của cả nước. Nếu so tỷ lệ tăng bình quân năm thời kỳ 1989 - 1999 ở miền núi phía Bắc là 1,82%, cao hơn số với bình quân chung của cả nước song thấp hơn Đông Nam bộ và Tây nguyên. Tỷ lệ nữ năm 1989 chiếm 51,43% so với dân số của miền núi phía Bắc, cơ cấu nữ của miền so với tổng dân số cả nước chỉ chiếm 8,04%. Tại cuộc tổng điều tra dân số năm 1999, tỷ lệ nữ chỉ chênh lệch so với nam 0,41% và cơ cấu nữ của miền so với dân số cả nước chiếm 8,64% tăng hơn 0,60% so với năm 1989. Ở hầu hết các tỉnh của miền núi phía Bắc, tỷ lệ nữ luôn nhiều hơn nam. Riêng Quảng Ninh, qua hai cuộc tổng điều tra dân số (1989, 1999) tỷ lệ nam nhiều hơn nữ. Đó là vì Quảng Ninh là khu công nghiệp có quy mô lớn nhất vùng, đòi hỏi có nhiều lao động nam hoạt động trong ngành mỏ, địa chất ...

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở miền núi phía Bắc biểu hiện trong thời kỳ đổi mới rất khác nhau. Cơ cấu nhóm tuổi từ 0 - 14 chiếm trên 40%, từ 60 tuổi trở lên chiếm khoảng 7%. Như vậy, cơ cấu dân số phụ thuộc ở miền núi phía Bắc hiện vẫn chiếm gần 1/2 dân số trong vùng. Cơ cấu về giới trong thấp tuổi có đặc trưng là : nam trong lớp tuổi từ 0 - 14 qua hai cuộc tổng điều tra dân số chiếm tỷ lệ cao và sau đó giảm dần, ở nhóm tuổi từ 60 trở lên, cơ cấu nam giảm xuống và nữ tăng lên.

Tình trạng kết hôn của nữ trước tuổi 19 ở các dân tộc thiểu số còn chiếm tỷ lệ cao. Ở một số dân tộc, tình trạng nữ lấy chồng trước tuổi 15 vẫn diễn ra. Trình độ học vấn của cư dân các dân tộc miền núi so với trước đây đã có nhiều tiến bộ song so với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới thì vẫn còn nhiều bất cập.

Cơ cấu dân số - nghề nghiệp đang biến đổi theo hướng đa dạng hoá. Tỷ lệ dân số tham gia các nghề nghiệp đã thay đổi nhiều. Lao động nông nghiệp có xu hướng giảm; lao động công nghiệp và thương nghiệp, dịch vụ tăng ... Đội ngũ lao động nông thôn miền núi phía Bắc rất trẻ. Ở nhóm tuổi từ 15 - 24 chiếm gần 40%, từ 15 - 34 tuổi chiếm gần 70%. Nếu tính số người dưới 44 tuổi của miền núi phía Bắc, tỷ lệ này chiếm gần 2/3. Số người có chuyên môn kỹ thuật xét theo bằng cấp từ công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trở lên chiếm tỷ lệ nhất định trong cơ cấu dân số các dân tộc ở đây. Tiềm năng lao động dồi dào do dân số còn rất trẻ, mức sinh tiềm ẩn. Chất lượng

dân số đang được nâng lên cả về thể chất và trí tuệ. Đây là khả năng tiềm tàng cho việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở miền núi phía Bắc khi bước sang thế kỷ XXI.

c. Cơ cấu xã hội - dân cư

Ở miền núi phía Bắc hiện có hơn 40/54 dân tộc thuộc 7 trong 8 nhóm ngôn ngữ và hai (Hán - Tạng và Nam Á) trong số ba ngữ hệ có ở Việt Nam. Các dân tộc thiểu số phân bố không đều giữa các tỉnh, các huyện và các xã, giữa thành thị với nông thôn, giữa vùng sâu, vùng xa với vùng đồng bằng và trung du. Ở đây, có tỉnh có tới 46 dân tộc cư trú nhưng có tỉnh chỉ có 8 - 9 dân tộc. Trong số hơn 110 huyện, thị của miền núi phía Bắc có đến 59 huyện thị có từ 10 dân tộc cư trú trở lên. Số xã thuần nhất chỉ có một dân tộc cư trú chiếm tỷ lệ rất thấp. Đối với từng dân tộc, tỷ lệ cư trú của dân cư được rải ra rất nhiều xã trong toàn khu vực... Có những dân tộc với số dân không lớn, chỉ vài ngàn người nhưng lại cư trú trong rất nhiều xã, ở rất nhiều vùng thuộc các tỉnh khác nhau của miền núi phía Bắc. Cơ cấu dân cư của từng dân tộc trong mỗi xã, mỗi huyện và mỗi tỉnh cũng rất khác nhau.

Cơ cấu dân số thành thị của miền núi phía Bắc đã tăng từ 13,02% năm 1989 lên 15,48% năm 1999. Cơ cấu dân số nông nghiệp ở đây vẫn chiếm đa số. Đây là vấn đề bức xúc cần giải quyết nhằm giảm nhanh cơ cấu dân cư nông thôn, từng bước chuyển họ sang hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp.

d. Cơ cấu xã hội - tín ngưỡng, tôn giáo

Trong cơ cấu xã hội ở vùng núi phía Bắc, người Kinh vẫn chiếm tỉ lệ cao hơn các dân tộc khác. Nếu tính riêng các dân tộc thiểu số, đông hơn cả là người Tày, Nùng, Thái, Hmông, Dao, Mường, Sán Chay, Hoa.. Quá trình hình thành các dân tộc cũng là quá trình xuất hiện các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Tôn giáo cũng như các hình thái ý thức xã hội khác đều có tính bảo thủ và biến đổi chậm. Mặc dù vậy, dưới CHXH tôn giáo cũng có khả năng tự biến đổi để tự thích nghi với xu hướng ủng hộ CNXH, đi cùng đường với dân tộc, sống "tốt đời, đẹp đạo"... Quan hệ tôn giáo, dân tộc ở miền núi phía Bắc còn rất phức tạp bởi lẽ cũng như các dân tộc, quốc gia khác, mỗi dân tộc ở đây không chỉ có một tôn giáo mà thường có nhiều tôn giáo khác nhau như dân tộc Hmông, Dao có nhiều ngành, nhóm, cư trú ở nhiều khu vực khác nhau. Ở mỗi ngành, nhóm đều có tôn giáo, tín ngưỡng riêng. Trong thời kỳ đổi mới và mở cửa, cùng với việc phục hồi một số tín ngưỡng, tôn giáo có từ trước (Đạo Phật, Thiên Chúa, tín ngưỡng thờ cúng ma), đạo Tin Lành và đạo Vàng Trú bước đầu đã du nhập vào miền núi phía Bắc. Một số đạo khác đã xuất hiện, đan xen, trong đời sống các dân tộc ở đây. Mỗi dân tộc ở đây lại có các tín ngưỡng và nền văn hoá riêng đó là văn hoá tộc người hoặc văn hoá của nhóm địa phương tộc người. Thực tiễn ở miền núi phía Bắc cho thấy dù là tôn giáo gì, tín ngưỡng nào, từ đâu đến thì cộng đồng người ở đây cũng sẵn sàng chấp nhận miễn là nó không vi phạm đến lợi ích quốc gia và đi ngược lại truyền thống văn hoá dân tộc. Vì thế, về mặt chính trị, xã hội cũng phát sinh nhiều vấn đề phức tạp cần tiếp tục nghiên cứu.

Trong cơ cấu xã hội - dân số, tín đồ các tôn giáo chiếm tỷ lệ thấp so với dân số của vùng. So với tín đồ các tôn giáo ở Tây Nguyên, tín đồ tôn giáo ở miền núi phía Bắc ít hơn. Cơ cấu tín đồ các tôn giáo trong từng dân tộc cũng rất khác nhau. Các tín đồ tôn giáo ở miền núi phía Bắc chủ yếu vẫn là nông dân. Ở giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức cũng như các nhóm tiểu thương, tiểu chủ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau hiện có một số người tham gia tín ngưỡng, tôn giáo. Trong quá trình biến đổi cơ cấu tín ngưỡng, tôn giáo cũng không loại trừ có một số người lợi dụng tôn giáo nhằm mục đích ngoài tôn giáo và thực hiện "diễn biến hoà bình". Vì vậy, một mặt Đảng và Nhà nước ta phải đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo chính đáng của đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nhưng mặt khác cần hướng dẫn, tuyên truyền và thuyết phục đồng bào các dân tộc thiểu số ở đây phải

luôn cảnh giác chống lại âm mưu thủ đoạn lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo làm phương hại các phương châm “tốt đời đẹp đạo”, “sống phúc âm trong lòng dân tộc”⁽²⁾, mà các tôn giáo ở nước ta đã xác định.

Như vậy, bên cạnh những tầng lớp, giai cấp xã hội mới (công nhân, nông dân, trí thức) đang hình thành vẫn tồn tại một số nhóm xã hội trong cơ cấu xã hội cổ truyền (nhóm du canh du cư, kể cả săn bắn, hái lượm.v.v..), đặc biệt ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Một cơ cấu xã hội hợp lý dựa trên cơ cấu lâm- nông- công-nghiệp ở đây đang trong quá trình xây dựng và hình thành từng bước nhằm tiến tới một cơ cấu xã hội với các đặc điểm chung, thống nhất trong cả nước. Giữa các dân tộc khác nhau và ở các vùng khác nhau hiện vẫn tồn tại sự khác biệt, chênh lệch về kinh tế, văn hoá, xã hội. Đội ngũ trí thức, công nhân các dân tộc thiểu số ở vùng cao đang còn rất hạn chế. Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở miền núi phía Bắc, nhìn chung chưa được chú ý đúng mức; có lúc, có nơi hầu như bị lãng quên hoặc không được quan tâm tới như một mục tiêu chủ yếu làm biến đổi xã hội. Xây dựng cơ cấu giai cấp làm nền tảng cho xã hội mới là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với cả nước cũng như đối với vùng các dân tộc miền núi phía Bắc. Báo cáo chính trị tại các Đại hội Đảng từ khi đổi mới đến nay đều vạch rõ nhiệm vụ: hình thành cơ cấu xã hội mới của vùng các dân tộc theo phương hướng xây dựng toàn diện giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức với tính chất là nền tảng chính trị - xã hội của xã hội mới.. Ba thành phần xã hội ấy trong các dân tộc ở miền núi phía Bắc là lực lượng sản xuất chủ đạo, lực lượng xã hội chính trong quá trình củng cố và tăng cường khối đoàn kết giữa các dân tộc để xây dựng và phát triển quan hệ bình đẳng, đoàn kết và tương trợ giữa các dân tộc ở nước ta. Trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, sự biến đổi về cơ cấu xã hội- giai cấp có nhiều đặc điểm quan trọng và tác động mạnh mẽ, trực tiếp tới sự phát triển các quan hệ dân tộc. Sự thay đổi về cơ cấu xã hội là hệ quả trực tiếp của sự phát triển kinh tế, của trình độ phân công lao động xã hội. Tình trạng phát triển kinh tế miền núi còn thấp, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, lực lượng sản xuất mới còn non yếu, lao động xã hội đang trong quá trình cải tạo và phân bố lại ... tất cả những điều đó phản ánh vào cơ cấu xã hội một mặt tạo ra những cơ sở xã hội mới cho việc phát triển các quan hệ dân tộc. Mặt khác, nó bộc lộ không ít những khía cạnh non yếu: sự phát triển không cân đối, chưa hợp lý trong cơ cấu xã hội, chưa tăng cường mối liên hệ giữa các thành phần giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, và do đó làm hạn chế sự phát triển các quan hệ dân tộc ở miền núi phía Bắc. Xây dựng cơ cấu xã hội ở vùng dân tộc, gắn liền với sự phân bố lại lao động trên phạm vi cả nước. Khi đồng bào miền xuôi lên miền núi, cần có sự bố trí cân đối các lực lượng lao động xã hội để bổ sung cho việc xây dựng miền núi phía Bắc một cơ cấu xã hội hợp lý về các thành phần giai cấp, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, kỹ thuật. Từ sự bố trí dân cư và phân công lao động xã hội hợp lý, khoa học sẽ kéo theo những mối quan hệ dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhưng đa dạng và phong phú. Đội ngũ giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức các dân tộc thiểu số và sự phân bố dân cư, lao động hợp lý sẽ nâng khối đoàn kết các dân tộc, nâng mối quan hệ các dân tộc lên một chất lượng mới. Quan hệ đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc mới thực sự có thực chất. Xu hướng hoà nhập, xích lại gần nhau là kết quả của sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đó là điều kiện và môi trường xã hội thuận lợi để các giai cấp và tầng lớp xã hội ở miền núi phía Bắc phát triển bền vững.

Chú thích:

(1) Tổng cục thống kê. Tổng điều tra dân số 1/4/1989, Hà Nội, 1991.

(2) Trung tâm Khoa học và Tín ngưỡng- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Đề cương bài giảng, Hà Nội, 1997.